CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Ngày 30/06/2025	95,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	-	-

DT thuần
Q2/25
1,190
tỷ VNĐ
QoQ: ▼338| -22.1%
YoY: ▼929| -43.9%

LN thuần
Q2/25
80.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.1| -28.4%
YoY: ▼62.1| -43.4%

LN sau thuế
Q2/25
69.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.2| -30.9%
YoY: ▼67.2| -49.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q2/25
13.5%
YoY: +/-▼ 1.6%

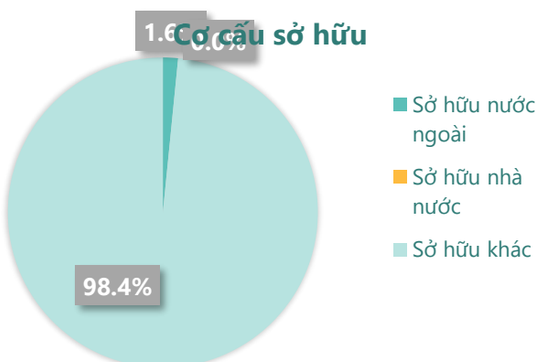
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	93,023 - 142,114
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,251
Số lượng CPLH (CP)	23,547,419
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,640
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	0.77
EPS	18,264
P/E	5.2

DT thuần
6T 2025
2,717
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,233| -45.1%

LN thuần
6T 2025
194
tỷ VNĐ
YoY: ▼157| -44.8%

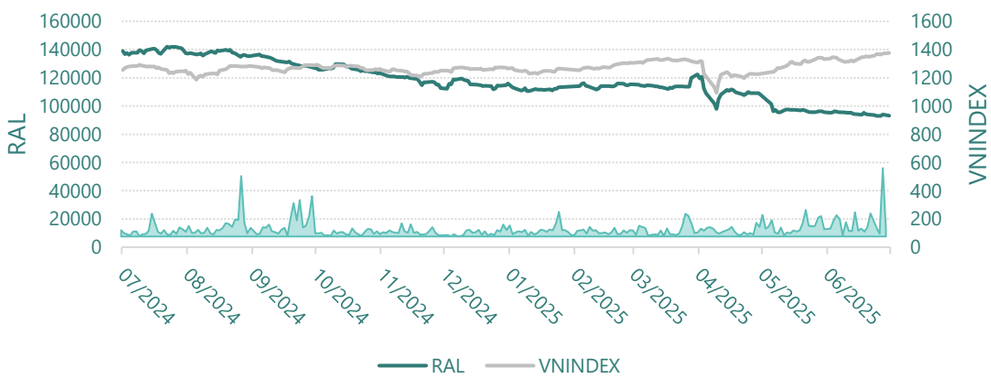
LN sau thuế
6T 2025
171
tỷ VNĐ
YoY: ▼161| -48.6%

Cơ cấu sở hữu

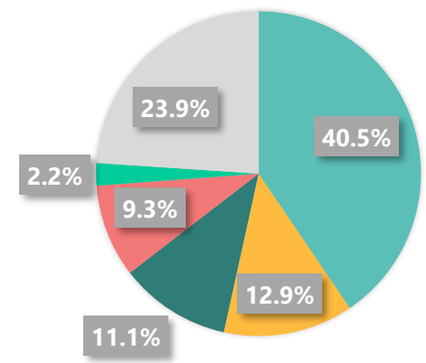


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

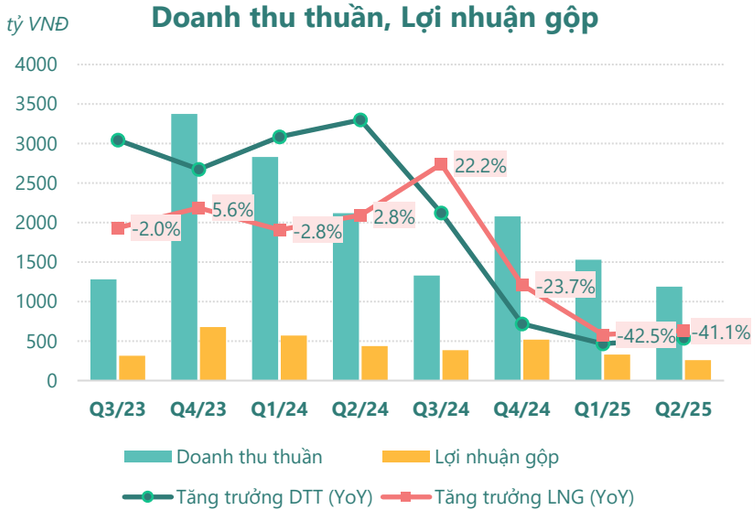


- Công đoàn CTCP Bóng đèn phích nước Rạng Đông
- CTCP Chứng khoán Quốc Gia
- Lê Thị Kim Yến
- Lê Đình Hưng (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Đoàn Thăng (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

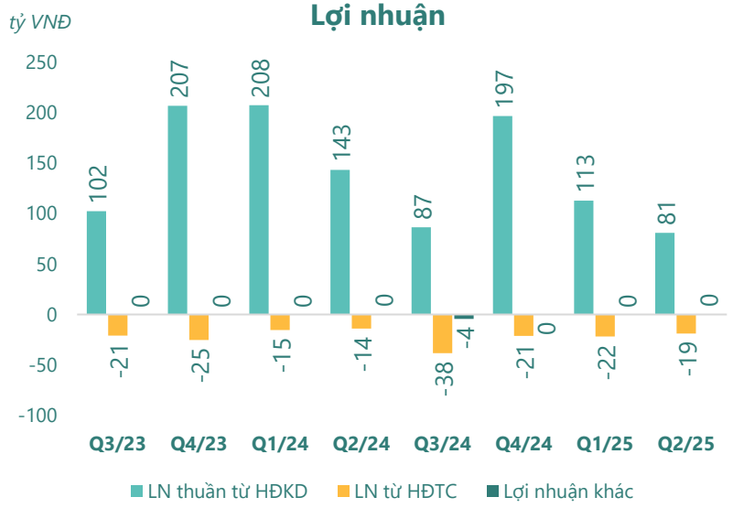
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



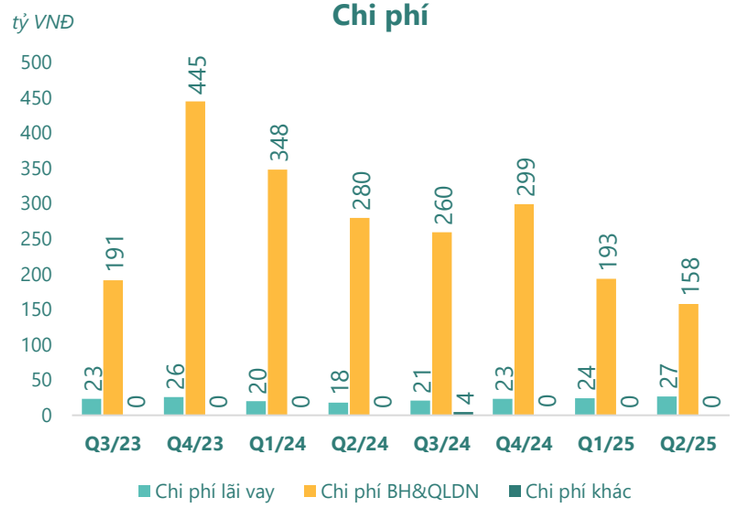
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



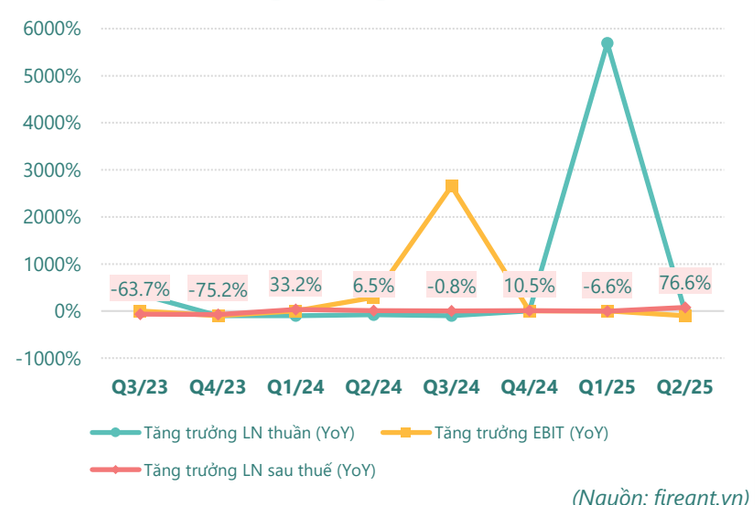
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



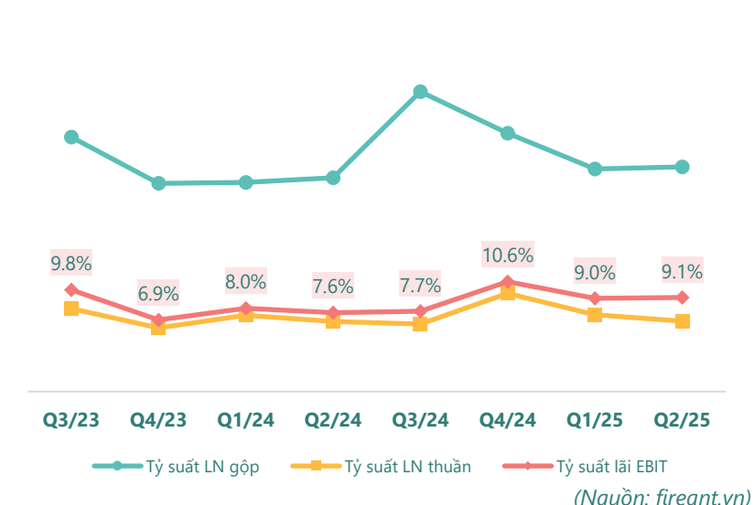
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

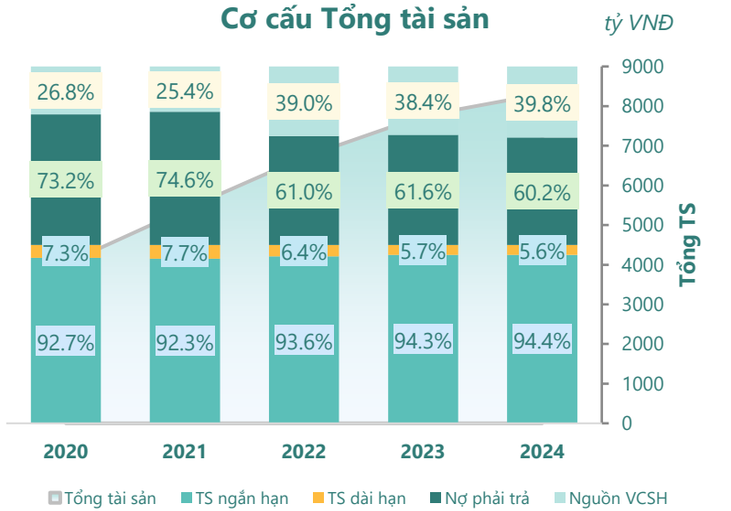
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

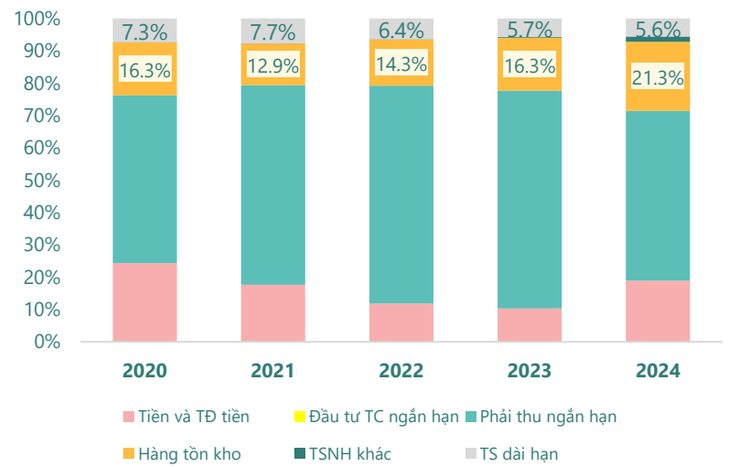
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



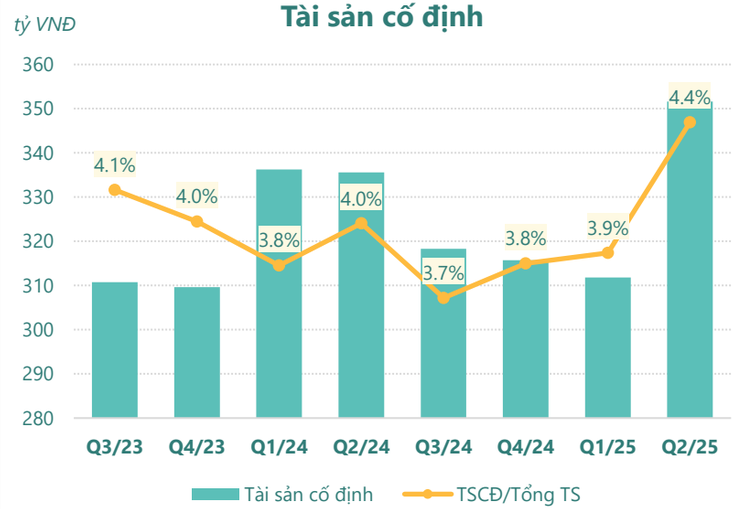
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



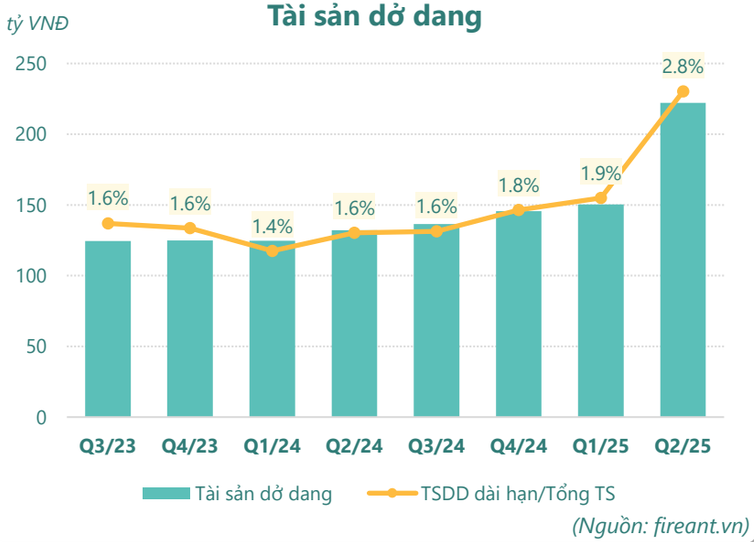
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



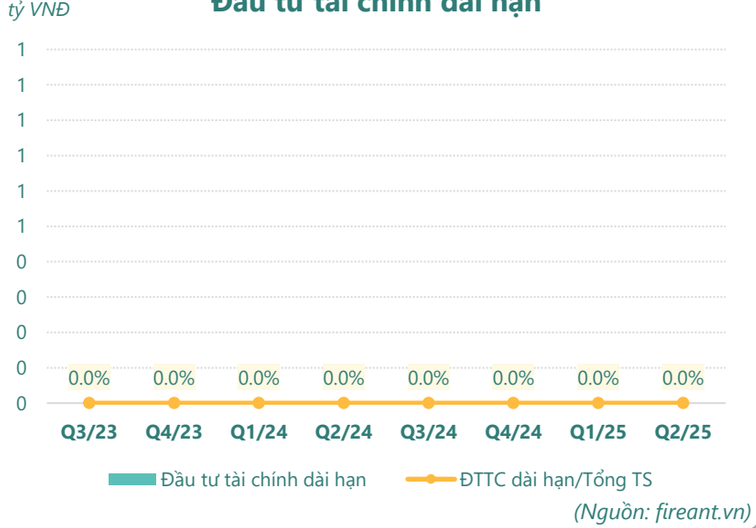
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



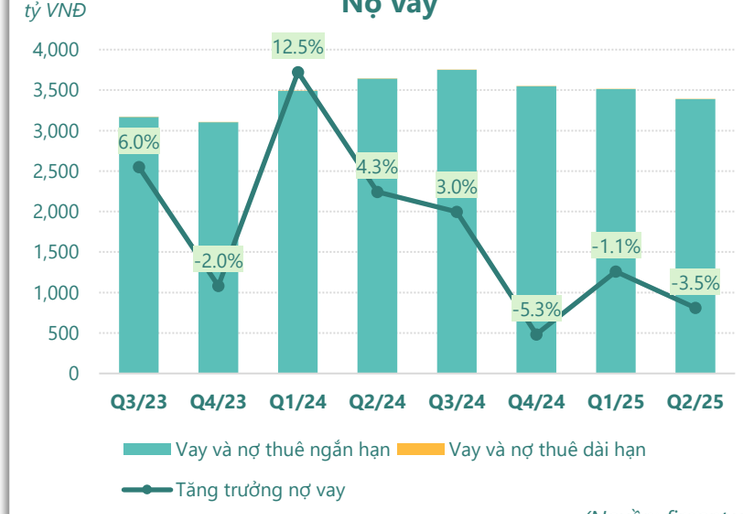
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

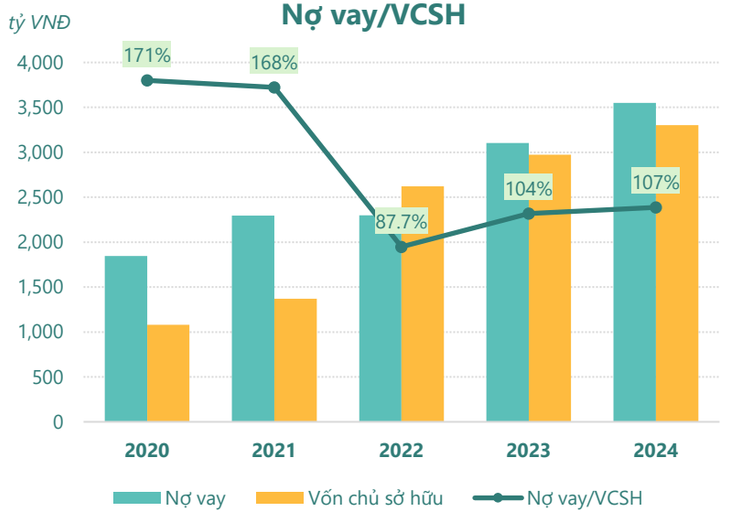
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

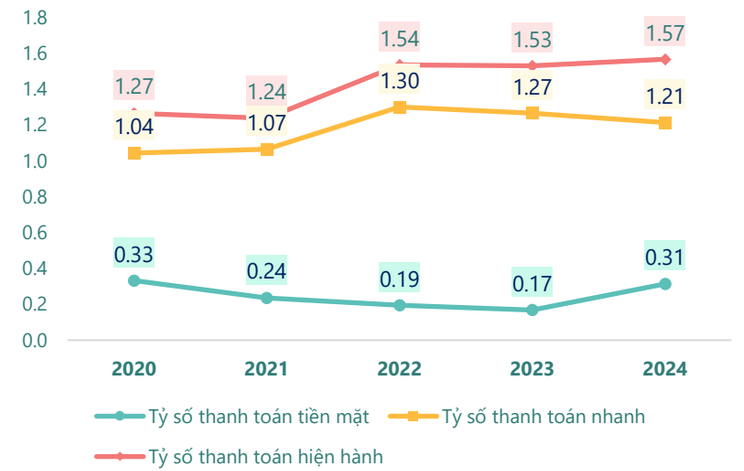
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



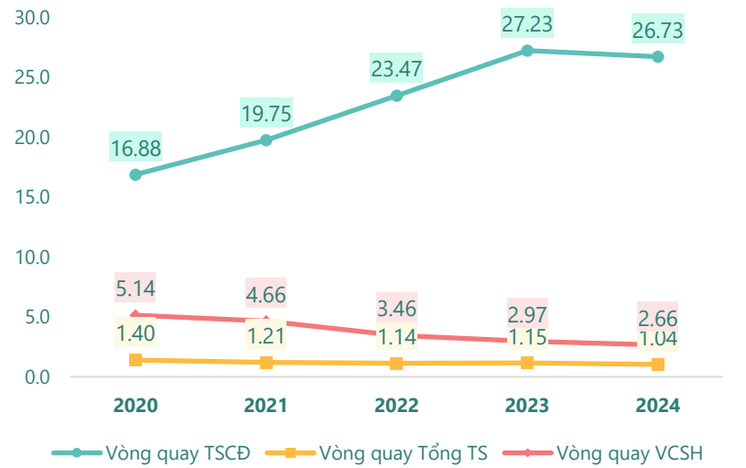
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



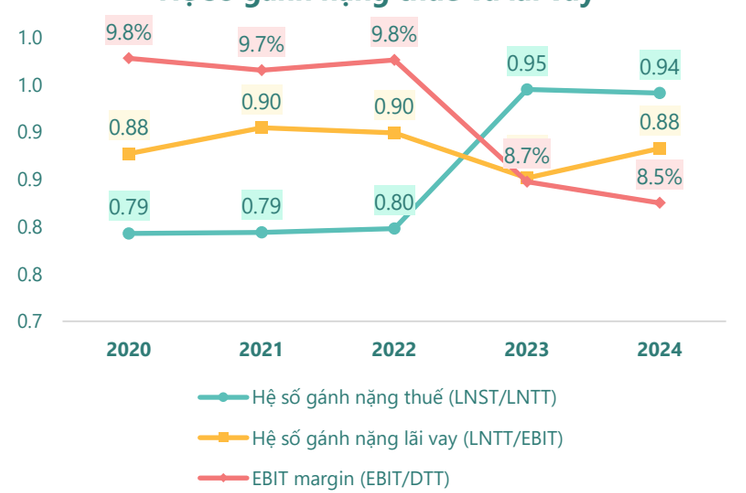
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



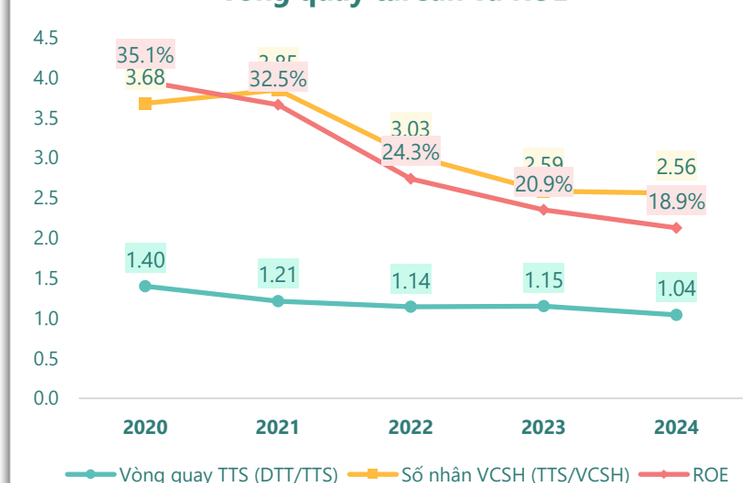
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



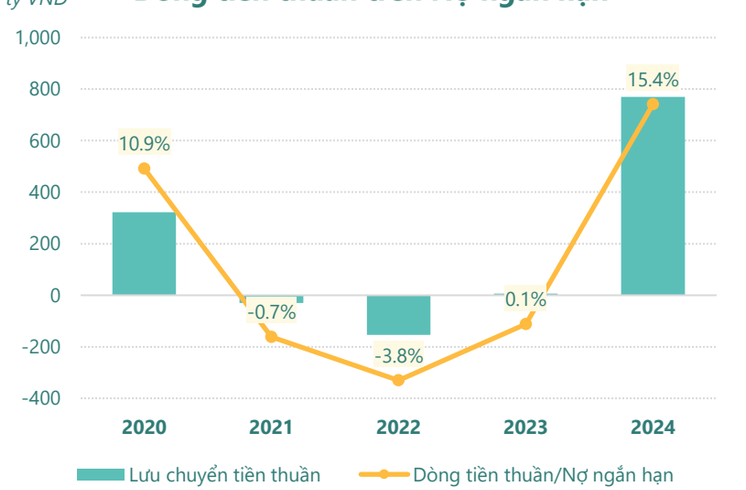
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,190**	**2,119**	**-43.9%**	**2,717**	**4,950**	**-45.1%**
Giá vốn hàng bán	932	1,682	-44.6%	2,131	3,942	-45.9%
Lợi nhuận gộp	258	437	-41.0%	586	1,008	-41.9%
Doanh thu HĐTC	8.17	6.12	33.5%	10.7	10.8	-1.2%
Chi phí TC	27.1	20.0	35.5%	51.5	40.2	28.2%
Chi phí lãi vay	26.8	17.8	50.6%	51.1	37.6	35.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	129	236	-45.2%	300	563	-46.8%
Chi phí QLDN	**28.5**	**43.6**	**-34.7%**	**51.4**	**64.9**	**-20.8%**
LN thuần từ HĐKD	80.9	143	-43.4%	194	351	-44.8%
Lợi nhuận khác	**0.12**	**0.15**	**-18.8%**	**0.12**	**0.15**	**-18.8%**
LN trước thuế	81.0	144	-43.7%	194	351	-44.8%
Lợi nhuận sau thuế	**69.8**	**137**	**-49.0%**	**171**	**332**	**-48.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**69.8**	**137**	**-49.0%**	**171**	**332**	**-48.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	126	-186	79.5	525	129	322
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-46.7	-34.6	-2.33	-19.8	-19.2	-212
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	387	92.3	50.0	-200	-38.0	-159
Tiền đầu kỳ	802	1,269	1,141	1,268	1,573	1,645
Lưu chuyển tiền thuần	**466**	**-128**	**127**	**305**	**71.5**	**-50.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.12	0.12	0	0	1.85
Tiền cuối kỳ	1,269	1,141	1,268	1,573	1,645	1,596

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,043**	**8,309**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	7,463	7,842	-4.8%
Tiền và tương đương tiền	1,596	1,573	1.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3,430	4,364	-21.4%
Hàng tồn kho	2,243	1,773	26.6%
Tài sản ngắn hạn khác	193	133	45.5%
Tài sản dài hạn	**580**	**467**	**24.2%**
Phải thu dài hạn	1.29	1.39	-7.0%
Tài sản cố định	352	316	11.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	222	146	52.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.82**	**4.08**	**18.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,776	5,005	-4.6%
Nợ ngắn hạn	**4,775**	**5,004**	**-4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,387	3,549	-4.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	545	681	-20.0%
Nợ dài hạn	0.84	0.84	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.84	0.84	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,267**	**3,304**	**-1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,267**	**3,304**	**-1.1%**
Vốn điều lệ	235	235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)